

# PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT DƯỚI TRIỀU VUA LÊ THÁNH TÔNG VÀ VUA MINH MỆNH

THS BÙI HUY KHIÊN\*

**T**rong công cuộc cải cách hành chính (CCHC) và cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và việc nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật có một vai trò rất quan trọng.

Trong bài viết này, tác giả xin chia sẻ một số kinh nghiệm về việc xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật dưới triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh - những vị vua đã tiến hành CCHC mạnh mẽ và tương đối toàn diện trong lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam.

Nghiên cứu CCHC dưới triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh, chúng ta thấy các ông rất đề cao vai trò của pháp luật, chú trọng xây dựng và thực hiện pháp luật, coi đó là công cụ quản lý xã hội hữu hiệu và là điều kiện không thể thiếu để CCHC thành công.

Vua Lê Thánh Tông cho rằng: "Trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Đặt ra pháp luật là trên để răn dạy quan lại, dưới là để dân chúng trăm họ biết mà thực hiện. Mọi rối loạn đều bắt đầu từ sự rối loạn về kỉ cương. Trong một xã, nếu xã trưởng ý thế, cậy quyền, trong một huyện nếu huyện trưởng coi thường phép nước và trên hết nếu vua tự mình phá bỏ luật lệ thì đất nước tất sẽ lâm nguy"<sup>1</sup>. Ông là tín đồ nhiệt thành của chủ nghĩa quy phạm. Trong Sắc dụ gửi các quan trong cả nước (tháng 9-1474), ông nói: "Đặt luật là để trừ kẻ gian, sao dung được bọn coi thường pháp luật"<sup>2</sup>. Ông nhắc nhở mọi quan lại và thần dân phải giữ nghiêm kỉ cương phép nước đối với nhà vua, giữ

ng nghiêm kỉ cương trong xã hội, trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa các thành viên trong gia đình.

Chính vì thấy được vai trò to lớn của pháp luật mà vua Lê Thánh Tông đã quan tâm xây dựng hệ thống pháp luật, dành nhiều thời gian cùng các quan đại thần biên soạn, hiệu đính *Bộ luật Hồng Đức* nổi tiếng. *Bộ luật Hồng Đức* mang dáng dấp của một bộ tổng luật. Toàn bộ kỉ cương phép nước của quốc gia Đại Việt được đúc kết lại trong một bộ luật với 13 chương và 722 điều cụ thể. *Bộ luật Hồng Đức* không những là bộ luật hoàn chỉnh nhất mà còn là bộ luật tiến bộ nhất của xã hội Việt Nam dưới thời phong kiến. Nhà sử học Phan Huy Chú đánh giá bộ luật là "cái mẫu mực để trị nước, cái khuôn phép để buộc dân".

Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, chưa có ông vua nào lại ban hành sắc chỉ, lệnh, dụ nhiều, cụ thể và tỉ mỉ như vua Lê Thánh Tông. Chỉ tính riêng các sắc chỉ do nhà vua ban hành đã lên tới con số hàng trăm. Cùng với số lượng lớn các văn bản pháp luật ban hành dưới triều đại mình, ông còn cho tập hợp nhiều văn bản được ban hành trong các triều đại trước, hợp thành 3 tập Hội điển để các quan lại trông coi pháp luật tiện sử dụng, đó là: Thiên Nam dư hạ tập; Quốc triều thư khế thể thức; Hồng Đức thiện chính thư<sup>3</sup>.

Dưới triều vua Minh Mệnh, tinh thần pháp trị cũng được đề cao và thực hiện rất nghiêm. Sau một thời gian dài mất ổn định về chính trị, để duy trì kỉ cương xã hội, để

\* Học viện Hành chính.

bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả, phòng ngừa và trừng trị bọn quan lại tham ô, hối lộ, tất yếu ông phải đề cao pháp luật và thực hiện nghiêm pháp luật. Vua Minh Mệnh thường lấy 4 chữ "Chính - Đại - Quang - Minh" làm tôn chỉ cho việc điều hành bộ máy hành chính dưới triều của ông. Ngoài các điều luật trong *Bộ luật Gia Long*, vua Minh Mệnh còn định thêm các điều luật mới để xét xử việc làm sai trái của các quan ở kinh đô và các tỉnh, định lệ việc xử phạt quan lại tham nhũng, hối lộ, định lệ việc xét các địa phương xử án hay hoặc dở, làm tiêu chuẩn để kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và hàng ngũ quan lại.

Qua nghiên cứu hệ thống pháp luật và việc thực hiện pháp luật dưới triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh, có thể rút ra một số nhận xét sau:

**1. Pháp luật đã điều chỉnh khá đầy đủ các mối quan hệ xã hội, nhất là các mối quan hệ trong lĩnh vực hành chính.**

Hệ thống văn bản pháp luật dưới triều các ông quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước; vị trí và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau (quan hệ giữa các bộ, giữa bộ với các cấp chính quyền địa phương...); trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của đội ngũ quan lại; các biện pháp tuyển chọn, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, xử phạt quan lại cùng các chế tài hành chính và biện pháp cưỡng chế. Nghiên cứu *Bộ luật Hồng Đức*, *Bộ Hoàng Việt luật lệ*, các chiếu, chỉ, đạo dụ, lệ, lệnh, sắc phong ... thời các ông chúng ta đều thấy rõ điều này. Dưới triều các ông, các lĩnh vực của đời sống xã hội, hành vi của con người và tổ chức đều được điều chỉnh cụ thể trong các bộ luật, các chỉ dụ, sắc chỉ...

Sau đây chỉ đơn cử một vài ví dụ. Năm 1466, vua Lê Thánh Tông xuống dụ quy định màu sắc y phục của các quan văn, võ: "Từ quan nhất phẩm đến quan tam phẩm mặc áo màu hồng; ngũ, tứ phẩm màu áo lục; còn thì đều mặc áo màu xanh"<sup>4</sup>. Ông

còn quy định cả đến những việc nhỏ như: định lệ số tiểu đồng được theo hầu trong khi tiến triều, hay giữ vệ sinh ở chốn triều đường: "Kể từ nay các quan vào chầu không được nhổ cốt trâu, ném bã trâu ở cửa sân đàn trì..."<sup>5</sup>. Dưới triều ông, mọi việc đều được thể chế hoá, pháp luật hoá. Ngoài *Bộ luật Hồng Đức* và một số điều luật trong *Hồng Đức thiện chính thư*, trong gần 38 năm trị vì, vua Lê Thánh Tông đã ban hành 83 sắc chỉ về công việc hành chính và thể chế quan chức, 10 sắc lệnh về các quy định kiện tụng, 8 sắc chỉ về đội ngũ trông coi pháp luật, 11 sắc chỉ về chống tham nhũng, hối lộ và nhiều sắc chỉ về hình sự và dân sự...

**2. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội dựa theo nguyên tắc "quyền uy - phục tùng".**

Mệnh lệnh được nhà vua ban hành thông qua các văn bản pháp luật phải được mọi quan lại và thân dân tuân theo. Quan lại cấp dưới phải tuyệt đối phục tùng cấp trên. Nếu ai có hành vi chống đối đều bị coi là "vi chế" và bị nghiêm trị. Tháng 7-1464, khi biếm chức Binh bộ Tả thị lang Nguyễn Đình Mỹ mắc tội tham nhũng, vua Lê Thánh Tông dụ các quan: "Pháp luật là phép công của nhà nước, ta và các người phải tuân theo"<sup>6</sup>. Nhờ vậy, xã hội Việt Nam thời ấy có được kỉ cương, các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương có sự chỉ đạo thống nhất, tập hợp được dân chúng để kiến thiết, xây dựng và chống chọi với thiên tai.

Nguyên tắc "quyền uy - phục tùng" được các ông áp dụng đối với tất cả hàng ngũ quan lại, kể cả các quan đại thần, những người thân cận và cả con cháu trong hoàng tộc. Chính vua Lê Thánh Tông năm 1468 đã khước từ việc xin dùng tiền để chuộc tội của Lê Bô - một trong những người đã có công đưa ông lên ngôi vua sau loạn Nghi Dân. Ông nói: "Nếu cho Lê Bô được chuộc tội có nghĩa là người có quyền thế, giàu có dùng của hối lộ thì được miễn tội, còn người nghèo hèn thì vô cơ chịu tội

là cả gan vi phạm phép tắc của tổ tông lập ra để trừng trị kẻ ngoan cố không biết răn chừa. Đại lý tự phải chiếu luật trị tội”<sup>7</sup>. Trường hợp vua Minh Mệnh xử tội Hoàng tử Miên Phú là một ví dụ khác. Tháng 11-1835, hoàng tử Miên Phú, đêm đến cùng với bọn phủ thuộc tổ chức đua ngựa ở trong thành. Có một bà già đi bên đường tránh không kịp, bị ngựa kéo chết. Vua Minh Mệnh biết tin đó liền sai bộ Hình và Cơ Mật viện hội đồng điều tra, xét xử. Khi thành án vua Minh Mệnh phê chuẩn: Miên Phú bị tước mũ áo, cách mất lương bổng một năm, đóng cửa nhà riêng để tự xét mình sửa lỗi, không được dự vào hàng các hoàng tử và đền cho người chết 200 lượng bạc. Hoàng Văn Vân, người để ngựa kéo chết bà già bị chém ngay, còn các tên khác bị phát vãng đi Ai Lao xung quân<sup>8</sup>.

### 3. Pháp luật thường rất chi tiết, cụ thể nên dễ áp dụng.

Các điều luật, chế tài trong các văn bản pháp luật dưới triều các ông thường rất chi tiết, cụ thể. Thời đó, dường như không có khái niệm xây dựng “luật khung” và không có những điều luật chỉ mang tính nguyên tắc chung chung.

Có thể dẫn chứng rất nhiều ví dụ về tính cụ thể, chi tiết của các văn bản pháp luật ở thời kì này. Trong *Bộ luật Hồng Đức* gồm 722 điều, quy định 5 loại hình phạt là: xuy hình, trượng hình, đồ hình, lưu hình và tử hình. Các loại hình phạt được chia tới 19 bậc, trong đó có 10 loại tội danh được quy định là tội ác nghịch và 8 loại tội danh được đề nghị xét giảm án. Riêng nhóm tội danh sách nhiễu, nhận hối lộ được quy định cụ thể trong 49 loại tội và được chi tiết thành 225 hành vi với 42 tội danh.

Về việc xử phạt hành vi quan lại nhận hối lộ, Điều 138, *Bộ luật Hồng Đức* quy định rất chi tiết khung hình phạt: “Nếu quan lại nhận hối lộ từ 1 đến 9 quan tiền thì xử tội biếm hay bãi chức; từ 10 đến 19 quan thì xử tội đồ hay lưu; từ 20 quan trở lên xử tội chém”.

### 4. Pháp luật vừa đảm bảo tính nghiêm minh vừa thể hiện tính độ lượng, khoan dung đúng mực.

Vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh chủ trương cai trị đất nước bằng cả “Đức trị” và “Pháp trị”. Sử dụng pháp luật như một phương tiện để cai trị nhưng các ông không sử dụng một cách máy móc, cứng nhắc như dưới nhiều triều đại phong kiến khác. Các ông xây dựng hệ thống pháp luật vừa nghiêm minh lại vừa thể hiện tính độ lượng, khoan dung đúng mực của pháp luật. Điều này được thể hiện rõ trong *Bộ luật Hồng Đức* dưới triều vua Lê Thánh Tông và *Hoàng Việt luật lệ* dưới triều vua Minh Mệnh.

Điều 47, Chương I của *Bộ luật Hồng Đức* quy định: “Những người phạm tội, tuy tên gọi tội giống nhau, nhưng phải phân biệt phạm tội vì lầm lỡ hay cố ý, phải xét tội nặng nhẹ mà thêm bớt, không nên câu nệ, để hợp với ý nghĩa việc xử hình án: tha người lầm lỡ không kể tội nặng, bắt tội người cố ý không kể tội nhẹ”. Chính sách độ lượng, khoan dung của *Bộ luật Hồng Đức* còn thể hiện trong các điều luật cụ thể như: “Nhiều người phạm tội thì lấy người khởi xướng làm đầu, người a tòng được giảm một bậc (Điều 355); “Những người phạm tội từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống thì không được tra tấn” (Điều 665); “Đàn bà phạm tội tử hình, nếu đang có thai thì phải để sinh đẻ sau 100 ngày mới đem hành hình” (Điều 680)...

*Hoàng Việt luật lệ* cũng có những quy định mang tính độ lượng, khoan dung sâu sắc, tạo điều kiện cho người phạm tội ăn năn, hối cải: “Những người khi nhận của đút lót thì tính theo tang vật mà xử tội, bị tước đoạt chức tước. Tuy nhiên, nếu người phạm tội, tội chưa bị phát giác mà biết tự thú thì miễn buộc tội, tất cả các tang vật phải nộp lại cho nhà nước”. *Bộ luật* trên cũng quy định: “Những người phạm tội khi đương chức, sau khi già về hưu mới phát hiện ra vụ việc thì vẫn phải chịu trách nhiệm với hình thức luận tội như lúc đương

chức. Nếu tuổi quá già và đang bị bệnh yếu không thể ngồi giam được thì có thể chiếu cố thay bằng trưng thu các loại tài sản nộp thế”.

5. Sử dụng lệ tục như một công cụ hỗ trợ cho pháp luật trong cai trị đất nước và quản lý xã hội.

Vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh coi trọng vai trò của pháp luật do nhà nước ban hành, nhưng để quản lý một đất nước rộng lớn với nhiều dân tộc, nhiều phong tục, tập quán khác nhau, các ông đã thừa nhận sự tồn tại của luật tục, coi đó như một công cụ hỗ trợ cai trị đất nước và quản lý xã hội có hiệu quả.

Bắt đầu từ đời vua Lê Thánh Tông, lệ làng có bước phát triển đột biến cả về hình thức thể hiện, nội dung điều chỉnh và phạm vi tồn tại. Một đạo dụ của vua Lê Thánh Tông được sách Hồng đức thiên chính thư ghi lại như sau: “Nếu làng nào có những tục lệ khác lạ, lập ra hương ước, ắt phải nhờ viên chức nho giả, người nào đứng tuổi, có đức hạnh ngay thẳng, mới có thể tuân hành. Khi đã lập ra hương ước rồi, phải trình lên quan chức các nha môn xem xét rõ các điều lệ có nên theo, sẽ phê chuẩn cho mà thi hành”<sup>9</sup>.

Dưới triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh, hương ước của các làng xã phát triển rất mạnh. Gần như làng xã nào cũng có hương ước của riêng mình để quy định các quy tắc lễ giáo trong đời sống làng xã như cách thức hôn thú, quan hệ vợ chồng, gia tộc, tang ma, đi lại, an ninh... Mặc dù thừa nhận lệ tục nhưng các ông chỉ xem đó là một công cụ hỗ trợ cho pháp luật, khi pháp luật chưa đủ sức điều chỉnh được mọi quan hệ xã hội và trong chừng mực nào đó chỉ có thể thay thế pháp luật ở một không gian nhất định, mang nhiều yếu tố đặc thù. Cùng với việc chấp nhận sự tồn tại của luật tục, các ông cũng có những biện pháp can thiệp để luật tục phát triển trong sự kiểm soát, hạn chế sự “lấn sân” của luật tục. Dưới triều các ông, luật và tục cùng tồn tại như những loại công cụ quản

lý xã hội, nhưng vai trò kiểm soát vẫn thuộc về luật nước.

6. Chú trọng việc thực hiện pháp luật.

Các ông lập ra một hệ thống bộ máy từ trung ương đến địa phương để kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật. Dưới triều vua Lê Thánh Tông, đó là Lục khoa giám sát việc thực hiện pháp luật của Lục bộ, các cơ quan Ngự Sử đài ở trung ương và Ngự Sử đài ở 13 đạo thừa tuyên. Năm 1446, nhà vua lệnh cho đặt ở mỗi trấn một Hiến ty coi việc tư pháp và có trách nhiệm truyền đạt văn bản pháp luật xuống các phủ, huyện, xã.

7. Chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại bảo vệ pháp luật.

Về tiêu chuẩn các quan lại bảo vệ pháp luật, vua Lê Thánh Tông cho rằng: “Hình quan là chức quan trọng, phải chọn người có sở trường. Quan các ty ở Hình bộ, không kể là nha hay lại, nếu tài năng, kiến thức nông cạn, không am hiểu hình danh thì phải lựa thải ra, làm bản tâu lên, giao cho Lại bộ đổi chức khác, rồi chọn các quan đã đủ hai kì khảo khoá trở lên, đã thi đỗ và có tài năng, kiến thức cùng những người do lại viên xuất thân mà đã từng trải việc hình danh để bổ vào đó”<sup>10</sup>. Đầu năm 1465, nhà vua lệnh cho các triều thần chia các quan ở Ngũ hình thành 3 loại: *loại một*, gồm những người xét kiện không có oan ức thì được khen thưởng, cất nhắc; *loại hai*, gồm những người xử kiện bình thường được giữ lại làm việc; *loại ba*, gồm những người “hèn kém” thì cho chuyển sang làm chuyển vận. Ông lệnh: “Triều thần phải công bằng mà lựa chọn hoặc sa thải hình quan và quan thừa hiến phủ huyện các xứ để đều được người giỏi, xét xử đúng lẽ”<sup>11</sup>.

Vua Lê Thánh Tông luôn đề cao trách nhiệm của các quan bảo vệ pháp luật, đặc biệt là các hình quan với những chế tài rõ ràng. Các chế tài đó được hệ thống hoá trong chương “Đoán ngục” gồm 65 điều. Chương này không chỉ bao gồm các điều

quy định về trình tự, thủ tục xét xử mà còn có những điều quy định về trách nhiệm của hình quan khi mắc phải các tội như cai ngục nhân của đứt lốt mà mách bảo lời cung khai (Điều 664); quan xử án chậm trễ không đúng kì hạn (Điều 671); quan xử án thiên vị bao che cho người quyền quý phạm tội (Điều 674); xử tội không đúng theo luật định (Điều 679) v.v.

Vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh đặc biệt quan tâm xây dựng các quy định để giữ tính công minh tư pháp. Quan Đại lý tự dưới triều các ông gần như chức trạng sư bào chữa trong những quy định của pháp luật cận đại sau này. Trong chỉ dụ năm 1466, vua Lê Thánh Tông quy định: “Ngày Tể thân xử án, phải có quan Đại lý tự dự cho người tù kêu oan để tiện việc bắt bẻ”<sup>12</sup>. Để tăng cường tính công minh tư pháp, vua Minh Mệnh cho thành lập Tam pháp ty gồm: bộ Hình, Đô sát viện và Đại lý tự. Người dân nếu có oan ức gì có thể trực tiếp đến Tam pháp ty để trình bày hoặc đệ đơn trực tiếp lên nhà vua.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật, tôn trọng và đề cao pháp luật là đòi hỏi của công cuộc cải cách ở nước ta hiện nay. Tính tất yếu khách quan đó xuất phát từ mục tiêu xây dựng một chế độ xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Chúng ta ý thức sâu sắc rằng, để xây dựng một chế độ có các đặc điểm như vậy, công cụ cơ bản chỉ có thể là một nhà nước pháp quyền XHCN. Tính tất yếu khách quan ấy còn xuất phát từ đặc điểm của thời đại với xu thế hội nhập và toàn cầu hoá. Hội nhập quốc tế đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu lực, giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Để xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, một trong những nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết hiện nay là chúng ta phải sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Sau hơn 20 năm tiến hành CCHC, hệ thống pháp luật của nước ta đã được hệ thống hoá, được bổ sung rất nhiều. Tuy vậy, hệ thống pháp luật vẫn còn nhiều điểm yếu kém: còn trùng chéo, các quy định về thủ tục hành chính chưa thuận lợi, pháp luật về quyền tự do, dân chủ của nhân dân chưa được đảm bảo, văn bản luật không cụ thể, có những điều luật chỉ mang tính nguyên tắc, ít chứa đựng các quy phạm pháp luật... Trong xây dựng pháp luật, khuynh hướng tìm tiện lợi cho các cơ quan quản lý và công chức vẫn mạnh hơn là cho người dân và doanh nghiệp. Pháp luật và pháp chế ở nước ta vẫn còn một khoảng cách lớn, việc thực hiện pháp luật chưa nghiêm, nhiều vụ án xử oan sai, để lọt người, lọt tội. Nguyên tắc “xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” của toà án chưa được thực hiện nghiêm trong thực tế... Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân còn chậm, nạn “chạy án” vẫn diễn ra ở nhiều nơi.

Trong lịch sử, ông cha ta đã rất thông minh và chủ động trong việc tiếp thu có chọn lọc pháp luật nước ngoài để xây dựng hệ thống pháp luật nước nhà. Ngày nay, việc tiếp thu này vẫn là điều cần thiết đối với chúng ta. Cùng với việc học tập, tiếp thu các giá trị pháp luật của nhân loại chúng ta cũng cần nghiêm túc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm của các thế hệ người Việt Nam trong việc xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật. Kinh nghiệm xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật dưới triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh xứng đáng để chúng ta học tập, tiếp thu □

1. 2, 6, 7, 10, 11. *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, Kỷ nhà Lê. NXB KHXH, H. 1985, tr. 456, 457, 405, 523, 483, 539.

3. 9. *Lê Thánh Tông - con người và sự nghiệp*, NXB Đại học Quốc gia, H. 1977, tr. 146, 224.

4. 5, 12. *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển XII, Kỷ nhà Lê, NXB KHXH, H. 1985, Tr. 414, 498, 431.

8. TS. Nguyễn Minh Tường: *Cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh (1820-1840)*, NXB KHXH, H. 1996, tr. 61.